

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đối với từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 13431/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng loại cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản, vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật (sau đây gọi là cơ sở sản xuất).

b) Các cơ quan, đơn vị quản lý Nhà nước và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra.

Điều 2. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Diện tích lúa

a) Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

b) Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

c) Sau gieo trồng trên 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

2. Diện tích mạ

Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

3. Diện tích cây hằng năm khác

a) Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

b) Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

c) Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

4. Diện tích cây trồng lâu năm:

a) Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

b) Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

c) Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

d) Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

5. Các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này được hỗ trợ 1,5 lần so với quy định nếu trồng các loại cây sau: Thanh trà, cam.

6. Trường hợp hỗ trợ bằng giống cây, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 3. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

2. Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

3. Diện tích vườn giống, rừng giống: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

4. Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

a) Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

b) Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

5. Trường hợp hỗ trợ bằng giống cây, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai

1. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm): Hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

2. Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè: Hỗ trợ 30.000.000 đồng/100 m³ thể tích nuôi bị thiệt hại.

3. Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác: Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

4. Trường hợp hỗ trợ bằng giống thủy sản, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai

1. Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu): Đến 15 ngày tuổi, hỗ trợ 15.000 đồng/con; trên 15 đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 30.000 đồng/con; trên 28 đến 45 ngày tuổi, hỗ trợ 35.000 đồng/con; trên 45 ngày tuổi, hỗ trợ 45.000 đồng/con

2. Chim cút: Đến 15 ngày tuổi, hỗ trợ 3.000 đồng/con; trên 15 ngày đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 5.000 đồng/con; trên 28 đến 40 ngày tuổi, hỗ trợ 8.000 đồng/con; trên 40 ngày tuổi, hỗ trợ 10.000 đồng/con.

3. Lợn: Đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 600.000 đồng/con; trên 28 đến 60 ngày tuổi, hỗ trợ 1.000.000 đồng/con; trên 60 ngày tuổi, hỗ trợ 1.500.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con.

4. Bê cái hướng sữa: Đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 06 đến 12 tháng tuổi, hỗ trợ 6.000.000 đồng/con; bò sữa trên 12 đến 18 tháng tuổi, hỗ trợ 8.000.000 đồng/con; bò sữa trên 18 tháng tuổi, hỗ trợ 12.000.000 đồng/con.

5. Trâu, bò thịt, ngựa: Đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con; trên 06 đến 12 tháng tuổi, hỗ trợ 4.000.000 đồng/con; trên 12 đến 18 tháng tuổi, hỗ trợ 5.500.000 đồng/con; trên 18 tháng tuổi, hỗ trợ 7.000.000 đồng/con; bò đực giống, bò cái sinh sản (trên 24 tháng tuổi), hỗ trợ 10.000.000 đồng/con.

6. Hươu sao, đà điểu: Hỗ trợ 2.500.000 đồng/con.

7. Cừu, dê: Hỗ trợ 1.000.000 đồng/con.

8. Thỏ: Đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 40.000 đồng/con; trên 28 đến 60 ngày tuổi, hỗ trợ 60.000 đồng/con; trên 60 ngày tuổi, hỗ trợ 70.000 đồng/con.

9. Ong mật (đàn): Hỗ trợ 500.000 đồng/đàn.

10. Trường hợp hỗ trợ bằng giống vật nuôi, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 6. Trình tự, trách nhiệm thực hiện hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật và khoản 5 Điều 18 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, gồm: ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 10 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp

Thiệt hại do thiên tai xảy ra từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực và chưa được nhận hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ của nhà nước thì được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 26 thông qua ngày 15 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TC; NN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố; Cổng TTĐT thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu